

Bản án số: 905/2023/HS-PT
Ngày 29 tháng 11 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 426/2022/TLPT-HS ngày 29 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo Lãnh Minh T, Nguyễn Tiến H và Ngô Thanh T1; Do có kháng cáo của các bị cáo Lãnh Minh T, Nguyễn Tiến H và Ngô Thanh T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 215/2022/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1498/2023/QĐXXPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lãnh Minh T (tên gọi khác: S); giới tính: nam; sinh năm: 1972 tại tỉnh Hải Dương; HKTT: Khu H, thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lãnh Sự H1 và bà Trần Thị C; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 25/6/2015 (có mặt).

2. Nguyễn Tiến H; giới tính: nam; sinh năm: 1979 tại tỉnh Hải Dương; HKTT: Khu F, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương; tạm trú: 09 N, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không có; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn Văn R (Nguyễn Văn M) và bà Trương Thị L; hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 25/6/2015 (có mặt).

3. Ngô Thanh T1 (tên gọi khác: S1, N); giới tính: nam; sinh năm: 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT: 220/1 L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 154/55/16 Á, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 02/12; nghề nghiệp: thợ hồ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Ngô Văn D (chết) và bà Nguyễn Thị R1 (chết); hoàn cảnh gia đình: có vợ (không đăng ký kết hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 16/6/1995 bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Ngày 07/11/1996 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Chấp hành xong hình phạt tù tháng 8/1996.

- Ngày 29/12/1997 bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thi hành xong bản án 4/1998.

- Ngày 12/7/1999 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”. Chấp hành xong hình phạt tù tháng 7/2003.

- Ngày 17/3/2004 bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã thi hành án xong.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 22/6/2015 (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Ông Nguyễn Minh L1 - Luật sư Công ty L4 (vắng mặt) và ông Nguyễn Ngọc L2 – Luật sư Văn phòng L5 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Lãnh Minh T (có mặt).

2. Ông Đỗ Hải B – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Tiến H và bị cáo Ngô Thanh T1 (có mặt).

Trong vụ án có Hồ Đình V: Trú tại H B đường 3 tháng 4 phường E Thành phố Đ tỉnh Lâm Đồng. Bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng không có kháng cáo, kháng nghị. Tòa án cấp phúc thẩm có triệu tập Hồ Đình V đến phiên tòa (có mặt).

Trong vụ án có Phạm Văn L3 bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng không có kháng cáo, kháng nghị. Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập Phạm Văn L3 đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 23 giờ 00 ngày 22/6/2015, tại ngã tư đường M và L, phường A, thành phố T (Quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an Thành phố H phối hợp cùng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Bộ C1, Cục Điều tra chống buôn lậu - T6 và Cụm đặc nhiệm phòng chống tội phạm về ma túy, thuộc Cảnh sát biển số 3 - Bộ Q bắt quả tang Ngô Thanh T1 về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” thu giữ của T1 305,39gram ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (ký hiệu viết tắt là MA).

Ngô Thanh T1 khai vào khoảng tháng 10/2014, T1 được một người bạn tên T2 nhà ở quận G (không rõ lai lịch) giới thiệu và cho số điện thoại của T nên T1 đã liên lạc với T để đặt vấn đề mua ma túy để về bán lại. Sau đó T đã gặp T1 ở khu vực bờ sông Đ, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh và T đồng ý giao ma túy đá cho T1 bán với giá 63.000.000 đồng/100gram, bán xong T1 gom tiền lại trả trực tiếp cho T hoặc giao qua H và L3. Lần đầu T trực tiếp giao cho T1 100g ma túy đá tại lề đường B, Quận D. Sau khi mua xong T1 phân ra thành 02 gói để bán lại cho khách với giá 34.000.000 đồng/1gói và thu lợi khoảng 5.000.000 đồng/100gram. Những lần sau đó, mỗi khi cần mua ma túy T1 đều gọi điện thoại cho T để báo trước số lượng, sau đó T chỉ đạo cho H hoặc L3 lấy ma túy tại nơi T cất giấu để bán cho T1 và nói T1 liên lạc với H hoặc L3 để nhận ma túy đem bán rồi gom tiền giao cho T, H hoặc L3. Cụ thể T1 đã mua ma túy đá của T 07 lần, tổng cộng khoảng 1,2kg ma túy đá nhưng T1 có gửi trả lại 01 lần 200gram; trong đó có 01 lần đầu do T trực tiếp giao 100gram, 02 lần do L3 giao khoảng 200gram và 04 lần do H giao 900gram nhưng T1 có gửi trả lại H 200gram ma túy đá. Vào tối ngày 22/6/2015, T1 tiếp tục gọi điện thoại đặt mua của T 300gram ma túy đá. T đã chỉ đạo cho H lấy gói ma túy đá 300gram đem giao cho T1 tại khu vực ngã tư đường M - L, phường A, thành phố T (Quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Khi T1 trên đường đi về thì bị bắt giữ quả tang.

Mở rộng điều tra, Công an Thành phố H đã làm việc với Nguyễn Tiến H và tiến hành khám xét khẩn cấp các nơi ở của Nguyễn Tiến H gồm:

- Lúc 01h30 ngày 23/6/2015 khám xét tại số I N, phường B, thành phố T (Quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ: 01 gói nylon chứa chất tinh thể không màu tại tầng trệt, 01 gói nylon chứa chất tinh thể không màu tại phòng ngủ, 01 gói nylon chứa chất tinh thể không màu trong xe ô tô Ford Transit biển số 61B-012.11 và 01 gói giấy bạc chứa chất tinh thể không màu trong xe ô tô Ford Transit biển số 61B-012.11. Qua giám định tất cả là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1.484,96gram, loại MA.

- Lúc 03h ngày 23/6/2015 khám xét tại căn hộ A chung cư T, phường B, thành phố T (Quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ:

- + Trong phòng ngủ thứ 1: 970 viên nén tròn màu vàng có khắc hình trái táo, giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 298,4872gram, loại MA; 133 viên nén tròn màu nâu có khắc hình chuột Mickey, giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 37,6239gram, loại Ketamine;

+ Trong phòng ngủ thứ 2: 01 gói ny lon chứa chất bột màu trắng, giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 499,86gram, loại Ketamine; 03 gói nylon và 01 gói giấy chứa tinh thể, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 276,7435gram, loại MA.

+ 01 cân điện tử và một số bịch ny lon chưa sử dụng.

- Lúc 04h30 ngày 23/6/2015 khám xét tại nhà không số tổ E, khu phố D H, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ: 04 kết sắt trong phòng ngủ lầu 1, kết quả kiểm tra không có ma túy.

- Lúc 08h30 ngày 23/6/2015 khám xét tại nhà số C tổ A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương thu giữ: 01 xe ô tô hiệu Honda Accord màu đen biển số 30N-0140, qua kiểm tra cốp sau của xe phát hiện thu giữ 04 kết sắt: Kiểm tra kết sắt hiệu Truly bên trong có 06 gói giấy bạc; 02 kết hiệu Naga bên trong có 04 gói giấy bạc và 02 gói giấy bạc chứa tinh thể không màu; kiểm tra kết sắt hiệu Sunny không phát hiện gì; kiểm tra dưới tấm lót sàn của cốp sau có 01 bịch nylon màu xanh chứa 04 gói giấy bạc. Tổng cộng thu giữ 16 gói giấy bạc được hàn kín bên trong từng gói có bịch nylon chứa tinh thể không màu, giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 7.976,35gram, loại MA.

Căn cứ vào lời khai của T1, khoảng 16 giờ 00 ngày 24/6/2015, tại căn hộ C chung cư C, ấp E, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an Thành phố H bắt quả tang Phạm Văn L3 đang có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thu giữ 0,8344gram ma túy ở thể rắn, loại MA; khám xét khẩn cấp nơi ở của L3 thu giữ: 01 khẩu súng ngắn tự chế dạng ổ quay và 05 viên đạn; kết quả giám định khẩu súng là loại súng ngắn tự chế dạng ổ quay có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng và 05 viên đạn là loại đạn thể thao quốc phòng (Theo kết luận giám định số 775/KLGD-TT ngày 08/07/2015 của Phòng K - Công an Thành phố H). Trong lúc khám xét phát hiện Trần Văn Đ đang có mặt ở tại nhà L3 và có liên quan đến việc mua bán súng. Ngày 26/6/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã bắt khẩn cấp Trần Văn Đ về hành vi “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Lúc 14 giờ ngày 25/6/2015, Công an Thành phố H bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Tiến H.

Căn cứ lời khai của H và L3, lúc 15 giờ ngày 25/6/2015, Công an Thành phố H tiếp tục bắt khẩn cấp đối với Hồ Đình V.

Căn cứ lời khai của H, L3 và V lúc 17 giờ ngày 25/6/2015, Công an Thành phố H tiếp tục bắt khẩn cấp đối với Lãnh Minh T.

Trong quá trình điều tra vụ án, do có việc thay đổi chính sách pháp luật về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, nên ngày 22/10/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H đã ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can và Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Phạm Văn L3 và Trần Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Tại Bản cáo trạng số 511/CT-VKS-P1 ngày 28/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Lãnh Minh T, Nguyễn

Tiến H và Ngô Thanh T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Các bị cáo Phạm Văn L3 và Hồ Đình V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 215/2022/HS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lãnh Minh T, Nguyễn Tiến H, Ngô Thanh T1, Phạm Văn L3 và Hồ Đình V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Lãnh Minh Thái tử hình. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2015.

Buộc bị cáo T nộp số tiền 50.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Tiến H tử hình. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2015.

Buộc bị cáo H nộp số tiền 20.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Ngô Thanh T1 tử hình. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/6/2015.

Buộc bị cáo T1 nộp số tiền 20.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

Bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp kê biên tài sản, tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước tài sản của Lãnh Minh T, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Trong hạn luật định các bị cáo Lãnh Minh T, Nguyễn Tiến H, Ngô Thanh T1 kháng cáo bản án với nội dung như sau:

Bị cáo T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm hình sự của bị cáo, theo bị cáo cho rằng; bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 100gram ma túy chứ bị cáo không phải người chủ mưu như án sơ thẩm quy kết. Bị cáo T đề nghị xem xét việc kê biên tài sản của toà án cấp sơ thẩm.

Bị cáo T1 và H đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và cho rằng: Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lãnh Minh T, Nguyễn

Tiền H, Ngô Thanh T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Theo điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đồng thời xử phạt các bị cáo mức án tử hình là thỏa đáng. Đối với tài sản của bị cáo T có liên quan đến hành vi phạm tội, và có được do phạm tội, nên việc kê biên tịch thu sung công quỹ nhà nước là đúng pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo H và T1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T cho rằng; Lời khai ban đầu của bị cáo T là không đúng sự thật. Trong quá trình điều tra các bị cáo có lời khai mâu thuẫn nhưng không được đối chất. Bị cáo bị truy tố xét xử ở khung hình phạt cao nhưng biên bản lấy lời khai ban đầu không có Luật sư hoặc Viện kiểm sát tham gia. Cơ quan điều tra vi phạm tố tụng do vậy đề nghị huỷ bản án sơ thẩm điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tố tụng: Luật sư Nguyễn Minh L1 bào chữa cho bị cáo Lãnh Minh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy đây là phiên tòa lần thứ 2 được mở, phiên tòa ngày 22 tháng 9 năm 2023 bị hoãn do luật sư L1 xin hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay có Luật sư Nguyễn Ngọc L2 bào chữa cho bị cáo T, do vậy Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1] Khoảng 23 giờ ngày 22/6/2015 sau khi Ngô Thanh T1 nhận ma túy của Nguyễn Tiên H, cất giấu vào cốp xe SH biển số 59K1-00389 Tuấn điều khiển và di chuyển về giao lộ M - L thì bị bắt quả tang, qua giám định là ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine (MA) khối lượng 305,39 gram.

Khoảng 01h30 ngày 23/6/2015 tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Tiên H tại I N, phường B, thành phố T thu giữ 1.484,96g MA (có H chứng kiến).

Khoảng 03h ngày 23/6/2015 khám tại căn hộ A Chung cư T, phường B, thành phố T (có H chứng kiến), thu giữ 1.112,7146 gram ma túy ở thể rắn gồm 575,2307 gram loại MA và 537,4839 gram Ketamine. Ngoài ra, còn thu giữ cân điện tử cùng nhiều bịch nylon.

Khoảng 04h30 ngày 23/6/2015 khám xét khẩn cấp nơi ở của Lãnh Minh T tại nhà không số, tổ E, khu phố D H, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (có H chứng kiến) thu giữ 04 kết sắt.

Khoảng 08h30 ngày 23/6/2015 khám nhà số C tổ A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có H chứng kiến), tiếp tục thu giữ 7.976,35 gram ma túy ở thể rắn loại MA.

Qua quá trình điều tra xác minh có chứng cứ cho thấy; Ngô Thanh T1, Nguyễn Tiến H và Phạm Văn L3 xác định Lãnh Minh T đã 7 lần bán ma túy cho T1, ngoài lần đầu T trực tiếp giao dịch nhằm kiểm tra mức độ an toàn của T1, những lần sau T1 liên hệ với H. Vào ngày 22/6/2015, T1 liên hệ H đặt mua khoảng 300 gram ma túy đá. Theo chỉ đạo của T, H đã sử dụng xe ô tô Ford Transit biển số 61B-012.11 đến nhà số C tổ A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương lấy 800 gram ma túy, trong đó 300 gram bán cho T1 còn lại H cất giấu trên xe ô tô để tại nhà số I N, phường B, thành phố T.

Với những hành vi nêu trên; Bị cáo Ngô Thanh T1 và Nguyễn Tiến H bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Lãnh Minh T cho rằng; bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 100 gram ma túy đá bán cho Ngô Thanh T1, do vậy bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đồng thời bị cáo T xin được huỷ các lệnh kê biên về tài sản của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Trong quá trình điều tra vụ án Cơ quan điều tra đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về các nội dung như, bắt người phạm tội quả tang, khám xét nơi ở, lấy lời khai, tự khai, đối chất, nhận dạng. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ của vụ án đã được thu thập đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thấy rằng; tại bản tự khai ban đầu và biên bản lấy lời khai cùng ngày 25 tháng 6 năm 2015 (BL 331 - 335), bị cáo T thừa nhận hành vi và vai trò của mình đối với bị cáo H và L3, lời khai và tự khai nhận ban đầu của bị cáo T là phù hợp với lời khai của các bị cáo H, bị cáo L3, V và T1, phù hợp với việc chuyển tiền của bị cáo H cho bị cáo T, phù hợp với các biên bản khám xét thu giữ vật chứng. Do vậy việc bị cáo T sau này thay đổi lời khai để phủ nhận vai trò và trách nhiệm của mình đối với toàn bộ số ma túy mà Cơ quan điều tra khám xét thu giữ được là không có căn cứ được chấp nhận. Việc bị cáo thay đổi lời khai là hoàn toàn không phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Bị cáo T thừa nhận có việc H chuyển tiền cho bị cáo nhưng bị cáo T cho rằng số tiền H chuyển là do H đi thu tiền của các con nợ của bị cáo, tuy nhiên bị cáo H không thừa nhận việc này mà cho rằng đó là tiền bán ma túy. Ngoài lời khai của các bị cáo và các chứng cứ thu thập được trong vụ án này, quá trình điều tra còn thể hiện, các đối tượng Phạm Đăng D1, Trần Thị Oanh N1, Phạm Thị Mai H2, Nguyễn Ngọc T3 và Trần Văn Ô đều là những người thân tín trong đó Trần Thị Oanh N1 sống chung như vợ chồng với bị cáo, từng phụ giúp bị cáo bán ma túy ngoài địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (*đã bị đưa ra xét xử bằng các bản án có hiệu lực pháp luật*) cũng khai nhận phù hợp với các bị cáo trong vụ án này.

Từ những phân tích viện dẫn nêu trên, khi xem xét đánh giá toàn bộ các chứng cứ gỡ tội và buộc tội, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bản án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ khách quan toàn diện và đầy đủ để từ đó xác định bị cáo T có vai trò chính trong vụ án và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số lượng ma túy trong vụ án này là có căn cứ đúng pháp luật và không oan, do vậy đơn kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ được chấp nhận. Bản án sơ thẩm

xem xét đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của bị cáo, tuyên phạt bị cáo mức án cao nhất tử hình là thỏa đáng, có tác dụng răn đe phòng ngừa loại tội phạm này.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo của bị cáo T xin được huỷ bỏ việc tịch thu tài sản của bị cáo, xét thấy:

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã chứng minh được một số tài sản là xe mô tô và ô tô không có hồ sơ hợp pháp, một số số tài sản kê biên là của T, và chứng minh được số tài sản đó có liên quan đến hành vi phạm tội của T, và có được do hành vi phạm tội, do vậy đã kê biên tài sản. Bản án sơ thẩm tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước là có căn cứ đúng pháp luật, do vậy đơn kháng cáo của bị cáo không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ngô Thanh T1 và Nguyễn Tiến H; Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thực hiện hành vi với vai trò là đồng phạm với nhau, đồng phạm với bị cáo T.

Các bị cáo tham gia mua bán ma túy mang tính câu kết chặt chẽ, có sự phân công nhiệm vụ, phân cấp quản lý rõ ràng. Trong đó, Lãnh Minh T là người cầm đầu, chủ mưu trực tiếp và chỉ đạo cho đồng bọn cất giấu ma túy nhằm mục đích bán cho nhiều đối tượng khác trên nhiều địa bàn, nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ khối lượng ma túy đã bán cho Ngô Thanh T1 là 1.005,39 gram loại MA và ma túy thu giữ qua khám xét trong vụ án gồm 1.484,96 gram loại MA thu giữ tại số I N, phường B, Quận B; 575,2307 gram loại MA và 537,4839 gram loại Ketamine thu giữ tại căn hộ A chung cư T, phường B, Quận B và 7.976,35 gram loại MA thu giữ trong xe ô tô Honda Accord biển số 30N-0140 tại nhà số C tổ A, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, tổng cộng 11.579,4146 gram loại Methamphetamine và loại Ketamine. Do đó, cần áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo.

Nguyễn Tiến H là người giúp sức tích cực, trực tiếp thực hiện việc cất giữ và giao ma túy, đồng thời nhận tiền mua bán ma túy cho T nên phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng là 2.118,1046 gram loại Methamphetamine và Ketamine (gồm 575,2307 gram MA, 537,4839 gram Ketamine thu giữ tại căn hộ A chung cư T, phường B, Quận B và 1005,39 gram MA đã bán cho Ngô Thanh T1).

Với những hành vi nêu trên Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo H và T1, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xem xét đến số lượng ma túy các bị cáo tham gia mua bán áp dụng để xử phạt mức án cao nhất, loại trừ các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là thỏa đáng, có tác dụng răn đe giáo dục phòng ngừa và trừng trị loại tội phạm này trong tình hình hiện nay. Các bị cáo có đơn kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào theo quy định của Bộ luật Hình sự để giảm

nhẹ hình phạt cho bị cáo; Do vậy đơn kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Đơn kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Lãnh Minh T, Nguyễn Tiến H, Ngô Thanh T1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 215/2022/HS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố các bị cáo Lãnh Minh T, Nguyễn Tiến H, Ngô Thanh T1, phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Lãnh Minh Thái tử hình. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2015.

Buộc bị cáo T nộp số tiền 50.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Tiến H tử hình. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/6/2015.

Buộc bị cáo H nộp số tiền 20.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Ngô Thanh T1 tử hình. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/6/2015.

Buộc bị cáo T1 nộp số tiền 20.000.000 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

Tiếp tục giam các bị cáo Lãnh Minh T, Nguyễn Tiến H, Ngô Thanh T1 để đảm bảo công tác thi hành án.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 xe hai bánh gắn máy màu đen, nhãn hiệu: Honda, loại xe: 02 bánh, số loại: SH150i, biển số: 59K1-003.89, số khung: ZDCJF07A0YF010987, số máy: JF07E-0011103-HIKGF.

+ 01 xe hai bánh gắn máy màu trắng, nhãn hiệu Honda, loại xe: 02 bánh, số loại: Airblade, biển số: 59C1-334.19, số khung: RLHJF5723EC352345, số máy: RLHJF352345.

+ 01 xe hai bánh gắn máy màu đỏ, nhãn hiệu: Honda, loại xe: 02 bánh, số loại: Pantheon 150, biển số: 52H6-5194, số khung và số máy không có (theo kết quả giám định).

+ 01 xe hai bánh gắn máy màu đỏ, nhãn hiệu Suzuki, loại xe: 02 bánh, số loại: Sport, biển số: 49T9-3353, số khung: RLSBF44H040106460, số máy: F456VN106460.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xám (của T);

+ 01 điện thoại di động hiệu GiONEE, màu xám (của T);

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone (của T);

+ 01 điện thoại di động hiệu VERTU, màu trắng - đen (của T);

+ 01 điện thoại di động hiệu VERTU màu đen (của T);

+ Số tiền 696.591.550 đồng.

+ Số tiền 216.632.995 đồng.

+ Số tiền 909.993.662 đồng.

+ 01 chiếc xe hiệu FORD TRANSIT, biển số 61B-012.11, số máy: *E8P36036*DURATORQ4D2243H, số khung: RL3MLTGM CERR33708.

+ 01 chiếc xe hiệu HONDA ACCORD, biển số: 30N-0140, số máy: K24A4*2564426*, số khung: LHGCM566952064327.

+ 01 chiếc xe hiệu BMW X6, biển số 30A-403.27, số máy: 08072500253-757393403, số khung: 5UXFG83569LZ92313.

+ 01 chiếc xe hiệu MERCEDES, biển số 30P-5261, số máy: 202270210072242303693675, số khung: *WDBHA22EXTF327204*.

* Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước tài sản của Lãnh Minh T gồm:

+ Quyền sử dụng lô đất diện tích 487m² thuộc thửa số 3110, tờ bản đồ số 37 tại địa chỉ thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (do vợ chồng ông Cao Ngọc V1 và bà Nguyễn Thanh T4 đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất-quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 761227 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 18/01/2013 nhưng đã chuyển nhượng cho Lãnh Minh T) (Theo Lệnh kê biên tài sản số 542-08B ngày 13/6/2016 và Biên bản kê biên tài sản ngày 13/6/2016). Kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất-quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 761227 do Ủy ban

nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 18/01/2013 cho ông Cao Ngọc V1 và bà Nguyễn Thanh T4 đứng tên chủ quyền (bản chính).

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn nhà ở và đất ở tại địa chỉ Nhà không số, khu dân cư Đ, phường T, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương (diện tích nhà 254,7m², diện tích đất 300m², thuộc thửa 2155, tờ bản đồ số 8TDH.3 do ông Lãnh Duy T5 đứng tên giúp Lãnh Minh T theo Giấy chứng nhận QSDĐ – QSHNO và TSKGLVĐ số BX 947438 do Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/02/2015) (Theo Lệnh kê biên tài sản số 542-09A ngày 14/01/2016 và Biên bản kê biên tài sản ngày 14/01/2016). Kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất-quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại khu dân cư Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, số BX 947438 do Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 12/02/2015 cho ông Lãnh Duy T5 đứng tên chủ quyền (bản chính).

+ Quyền sử dụng căn nhà và đất ở tại địa chỉ nhà không số, tổ E, khu phố D, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (diện tích khoảng 4m x 9m, nguồn gốc đất kênh rạch do ông Châu Tử An t xây dựng nhà ở không phép, đã bán cho nhiều người, trong đó Lãnh Minh T là người cuối cùng mua lại).

Bị cáo Lãnh Minh T, Nguyễn Tiến H và Ngô Thanh T1 có quyền làm đơn xin Chủ tịch N2 ân giảm án tử hình trong thời hạn 07 ngày tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (ngày 29/11/2023).

Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lãnh Minh T, Nguyễn Tiến H, Ngô Thanh T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.HCM; (4)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- TTG Công an TP.HCM (để tổng đạt cho các bị cáo); (4)
- Lưu VT (5), HS (2) (Án-Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành